

HỆ THỐNG
XÁC THỰC
THÔNG TIN
TRONG CHIP CỦA THẺ CCCD-QĐ2345-NĐ59



01

HÀNH LANG PHÁP LÝ VỀ DỮ LIỆU DÂN CƯ

02

GIẢI PHÁP XÁC THỰC CCCD GẮN CHIP

03

GIẢI PHÁP XÁC THỰC SINH TRẮC HỌC THEO QĐ-2345

04

ĐỊNH HƯỚNG TRIỂN KHAI XÁC THỰC / QĐ-2345 / NĐ-59

HÀNH LANG PHÁP LÝ VỀ DỮ LIỆU DÂN CƯ

01/01/2016

Luật Căn Cước 59/2014/QH13

31/03/2017

QĐ 630/QĐ-NHNN

15/11/2021

QĐ 1911/QĐ-TTg

06/01/2022

QĐ 06/QĐ-TTg

20/10/2022

NĐ 59/2022/NĐ-CP

01/07/2023

NĐ 13/2023/NĐ-CP

23/08/2023

QĐ 2232/QĐ-BCT

01/01/2016

Luật Căn Cước 59/2014/QH13

01/07/2024

Luật Căn Cước 26/2023/QH15

01/07/2024

QĐ 2345/2023/QĐ-NHNN

● Phase 1:

Xây dựng trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư & triển khai hệ thống xác thực và định danh.

● Phase 2:

Xây dựng trung tâm xác thực điện tử, kết nối cơ quan nhà nước với người dân, doanh nghiệp và các tổ chức khác.

TRUNG TÂM DỮ LIỆU DÂN CƯ VÀ DỮ LIỆU CĂN CƯỚC

LUẬT CĂN CƯỚC 59/2014/QH13

Điều 9: Thông tin công dân được thu thập bao gồm họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, quê quán, nơi thường trú, nơi ở hiện tại dân tộc, tôn giáo, quốc tịch, tình trạng hôn nhân, nhóm máu.

Điều 11: Mọi quan hệ giữa CSDLQG về dân cư và CSDL chuyên ngành

(1) CDSL chuyên ngành được kết nối vào CDSLQG về dân cư để cập nhật, chia sẻ, khai thác;

(2) Thông tin về công dân có trong CDSL chuyên ngành phải được cập nhật với CSDLQG về dân cư.

QUYẾT ĐỊNH 1911/QĐ-TTg

Điều 2: Chia sẻ thông tin công dân giữa các cơ sở dữ liệu

(1) CDSL về dân cư chia sẻ thông tin về công dân cho CDSL chuyên ngành và Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công, hệ thống thông tin cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh của các bộ...

(2) CDSL hộ tịch điện tử, CDSL về cư trú, CDSL CCCD, CDSL y tế, và CDSL chuyên ngành khác cung cấp thông tin về công dân cho CDSLQG về dân cư theo QĐPL sẽ đảm bảo thống nhất, đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin.



ĐỀ ÁN 06 (QĐ 06/QĐ-TTg):

Phát triển dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử.

TRUNG TÂM DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ DÂN CƯ BỘ CÔNG AN / C06



MỤC TIÊU ĐỀ ÁN 06 - NHÓM TIỆN ÍCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI

2022 - 2023

Tích hợp, phát triển nền tảng hệ thống định danh và xác thực điện tử với các ứng dụng cốt lõi như: Ví điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, chứng khoán, điện, nước... lên ứng dụng VNelD, mã QR của thẻ CCCD gắn chip điện tử.

Tiến khai rộng rãi việc ứng dụng các tính năng của chip điện tử trên thẻ CCCD với các lĩnh vực tài chính, hoạt động ngân hàng (mở tài khoản, nhận biết khách hàng, thanh toán, cho vay, ví điện tử...) và một số lĩnh vực phát triển kinh tế, xã hội khác.

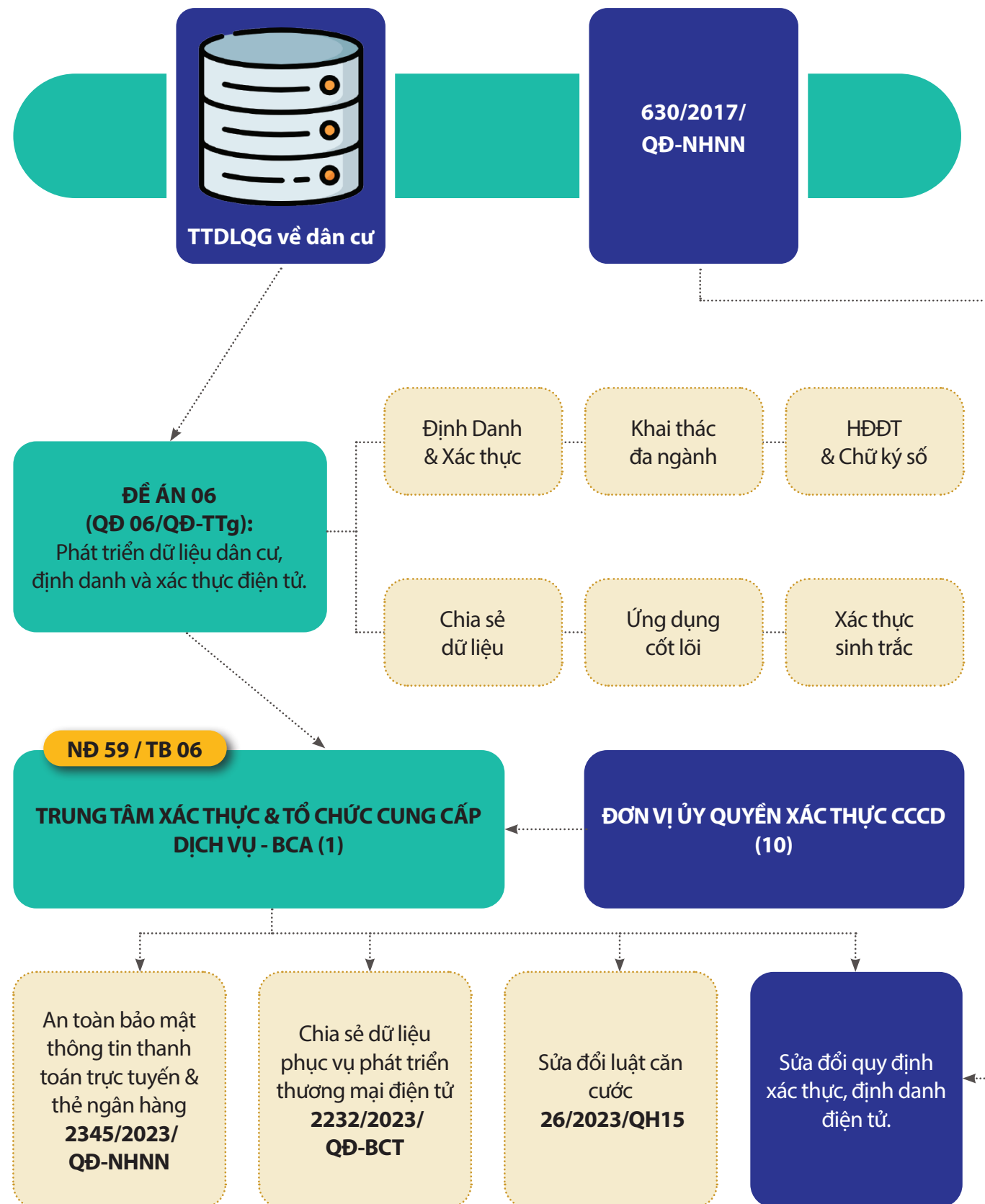
2024 - 2025

Khoàn thiện hệ sinh thái ứng dụng số, tiện ích cung cấp các bộ, ngành, địa Phương, tổ chức doanh nghiệp bảo đảm dữ liệu dân cư được xác thực thông qua việc định danh và xác thực thông tin dân cư mức độ định danh đảm bảo yếu tố sinh trắc học khi thực hiện các giao dịch phục vụ phát triển kinh tế, xã hội.

2026 - 2030

Tiếp tục duy trì vận hành hệ thống định danh và xác thực điện tử; mô hình định danh xác thực điện tử bảo đảm hoạt động hiệu lực, hiệu quả với chuỗi giá trị ký số điện tử, hợp đồng điện tử, định danh điện tử tạo nên nền tảng chính phủ số với giá trị tạo ra phục vụ công dân số.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐỀ ÁN 06



HỆ THỐNG CCCD GẮN CHIP TẠI VIỆT NAM

Thẻ **CCCD gắn chip** tại Việt Nam là một thẻ Smart Card, bao gồm 1 chip theo tiêu chuẩn ICAO 9303 bao gồm thông tin cá nhân, sinh trắc học và chữ ký số.

Công dân có thể sử dụng thẻ **CCCD gắn chip** cho tất cả lĩnh vực của đời sống bao gồm truy cập dịch vụ công, ký hợp đồng điện tử, nộp thuế cá nhân, liên kết bảo hiểm y tế, giấy phép lái xe, hộ chiếu, v.v...

Thẻ **CCCD gắn chip** ngăn chặn các hoạt động gian lận, đơn giản hóa quy trình onboarding eKYC, làm sạch dữ liệu, đăng ký tài khoản ngân hàng, v.v...



ỨNG DỤNG CCCD GẮN CHIP

NGÂN HÀNG



Cải thiện quy trình eKYC và làm sạch dữ liệu.

DỊCH VỤ TÀI CHÍNH



Phòng chống gian lận, kiểm tra tín dụng xấu.

BẢO HIỂM



Phòng chống gian lận, nhận dạng khách hàng.

VIỄN THÔNG



Làm sạch kho dữ liệu, ngăn chặn sim rác/sim ảo.

BÁN LẺ



Làm sạch dữ liệu khách hàng.

KHÁCH SẠN / NHÀ NGHỈ



Quản lý lưu trú, phát hiện trường hợp khả nghi.

GIAO THÔNG / LOGISTIC



Tự động hóa quy trình và giảm thiểu chi phí.

HÀNH LANG PHÁP LÝ VỀ DỮ LIỆU DÂN CƯ

1

MRZ CODE

MRZ (Machine Readable-Zone): ICAO 9303 mã tiêu chuẩn bao gồm 9 số cuối của CCCD, ngày sinh và ngày hết hạn.



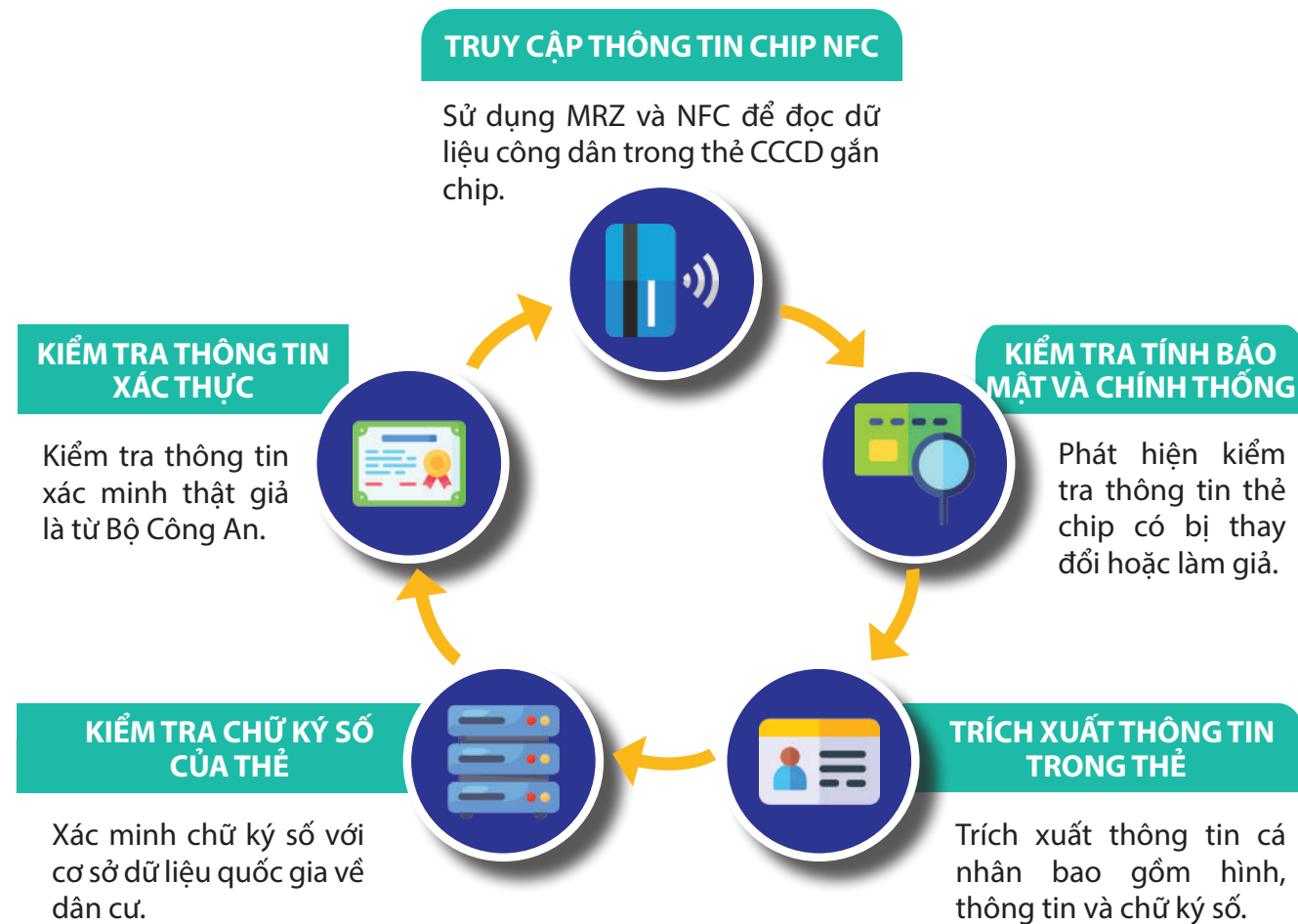
2

NFC CHIP

NFC CHIP: Chứa dữ liệu mã hóa của công dân bao gồm 14 trường thông tin cá nhân, hình ảnh khuôn mặt, dấu vân tay và chữ ký số của thẻ.

SOD – Document Security Object	COM – Header & Data Group	DG1X MRZ Info (ID, DOB, Expiration)	DG2 X Face Image	DG3* – Fingerprint Images	DG4* – Iris Images
DG5* X Display Portrait Images	DG6 X Reversed	DG7* – Signature Images	DG8* – Data Features	DG9* X Structure Features	DG10* X Substance Features
DG11 – Additional Info	DG12* – Additional Info	DG13* X Optional Detail Info	DG14 X Security Object	DG15 – Active Auth PubKey	DG16 – Person to Notify

CẤU TRÚC THẺ CCCD GẮN CHIP - ICAO 9303



BƯỚC 1: CHIP INFORMATION ACCESS

1 QUÉT MRZ CODE

Sử dụng cơ chế OCR để đọc MRZ code nhằm tạo khóa **PACE KEY** (ID+DOB+DOE), có thể sử dụng để mở thông tin chip NFC.



2 QUÉT NFC CHIP

Sử dụng NFC của Mobile / Máy đọc thẻ để đọc thông tin trong thẻ với **PACE KEY**, dữ liệu được phân loại thành các **DG** (Data Group) theo chuẩn ICAO 9303.

SOD – Document Security Object

DG1X MRZ Info (ID, DOB, Expiration)

DG3* – Fingerprint Images

DG14 X Security Object

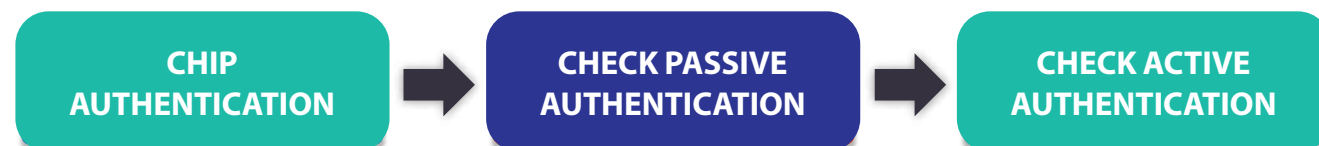
COM – Header & Data Group

DG2 – Face Image

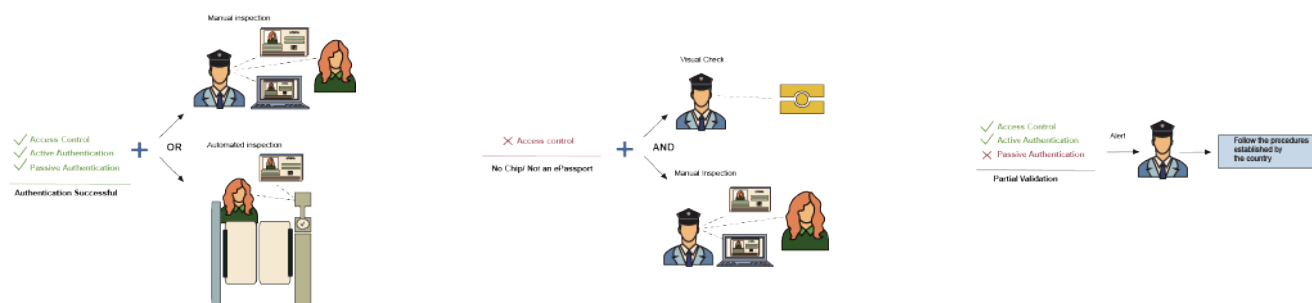
DG13* – Optional Detail Info

DG15 – Active Auth PubKey

BƯỚC 2: KIỂM TRA TÍNH BẢO MẬT & CHÍNH THỐNG (ICAO SYSTEM REQUIREMENTS)



- ✓ **Chip Authentication** kiểm tra cặp khóa mật mã tĩnh lưu trong bộ nhớ của chip, đảm bảo Public & Private Key tuân thủ lẫn nhau;
- ✓ **Passive Authentication** xác thực chữ ký số của thẻ và các thông tin trong thẻ được lưu bởi cơ quan thẩm quyền là đúng với nguyên bản;
- ✓ **Active Authentication** xác thực theo phương thức "Challenge"- "Response" để xác minh tính hợp lệ của Private Key là nguyên bản và không bị sao chép.

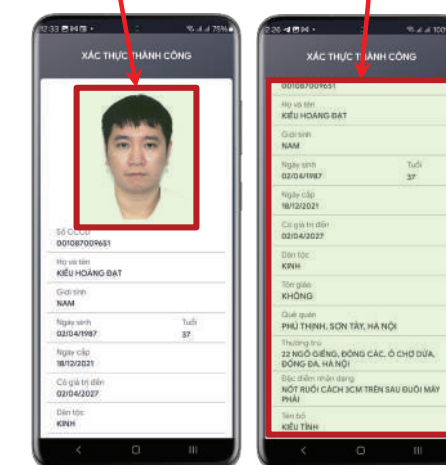


Toàn vẹn dữ liệu của thẻ.

Chip của thẻ không đọc được.

Thông tin trong chip bị thay đổi.

BƯỚC 3: TRÍCH XUẤT DỮ LIỆU



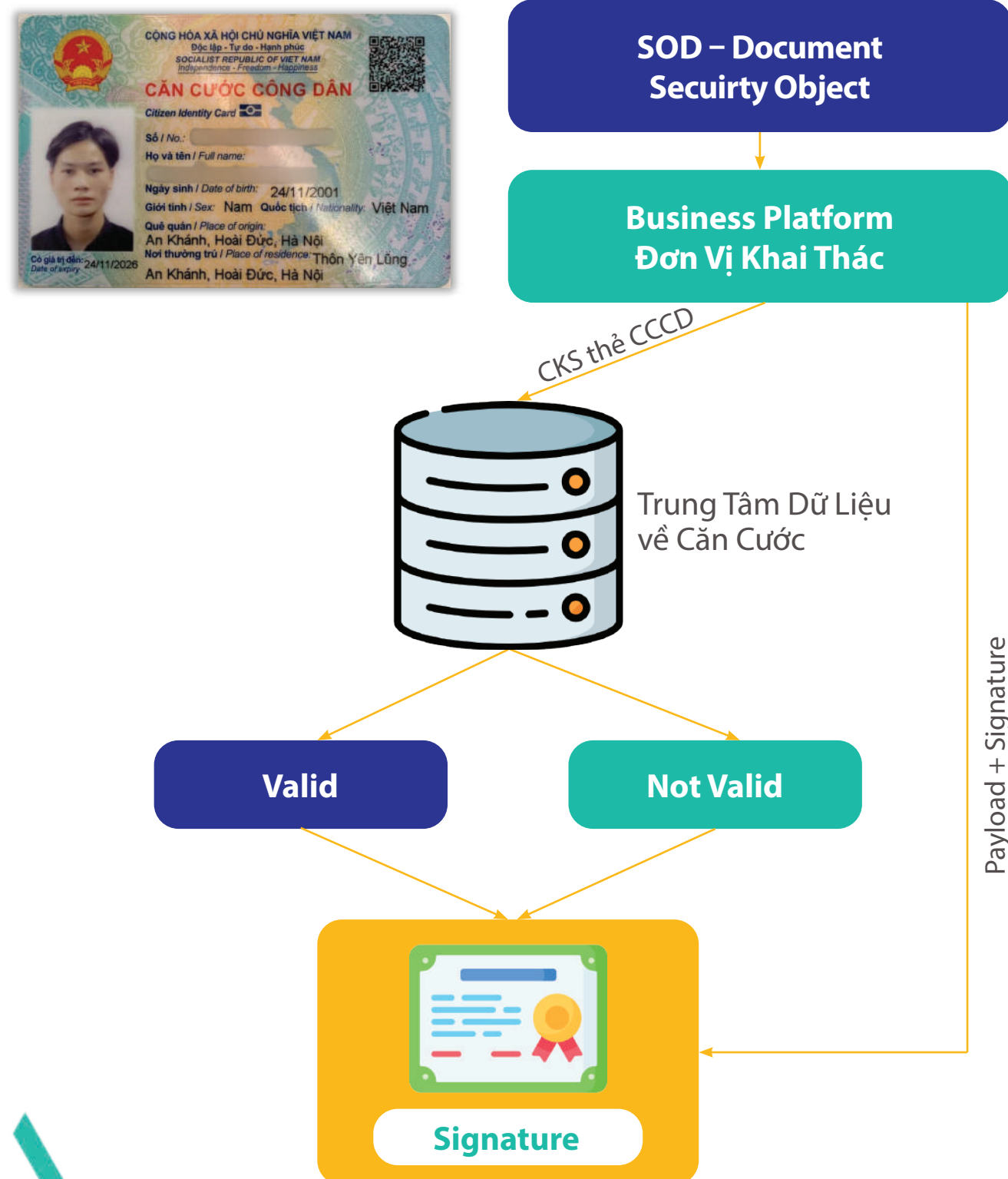
DG1
MRZ INFO (ID, DOB, DOE)

DG2
ACE IMAGE

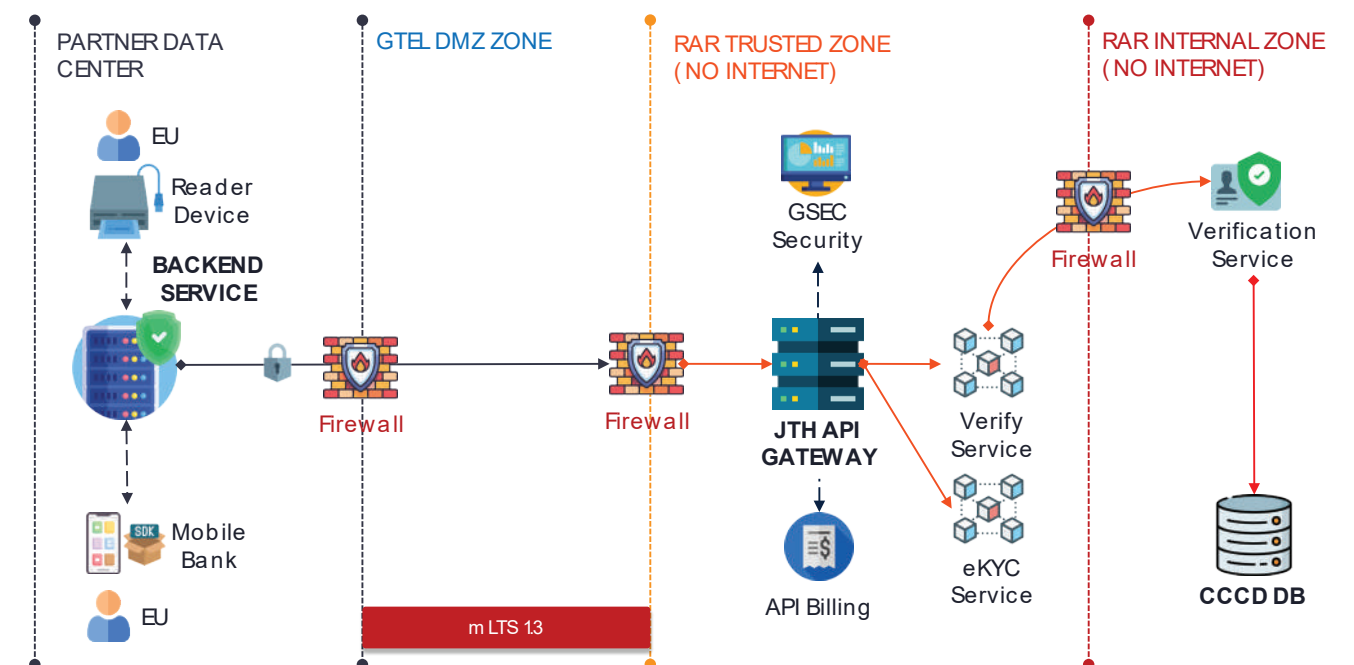
DG13*
OPTIONAL DETAIL INFO

- Số ID của Thẻ
- Họ và Tên
- Ngày Sinh
- Giới Tính
- Quốc Tịch
- Dân Tộc
- Tôn Giáo
- Quê Quán
- Nơi Thường Trú
- Ngày Cấp CCCD
- Ngày Hết Hạn
- Đặc Điểm Nhận Dạng
- Tên Bố
- Tên Mẹ
- Tên Vợ/Chồng
- Số CMND Cũ

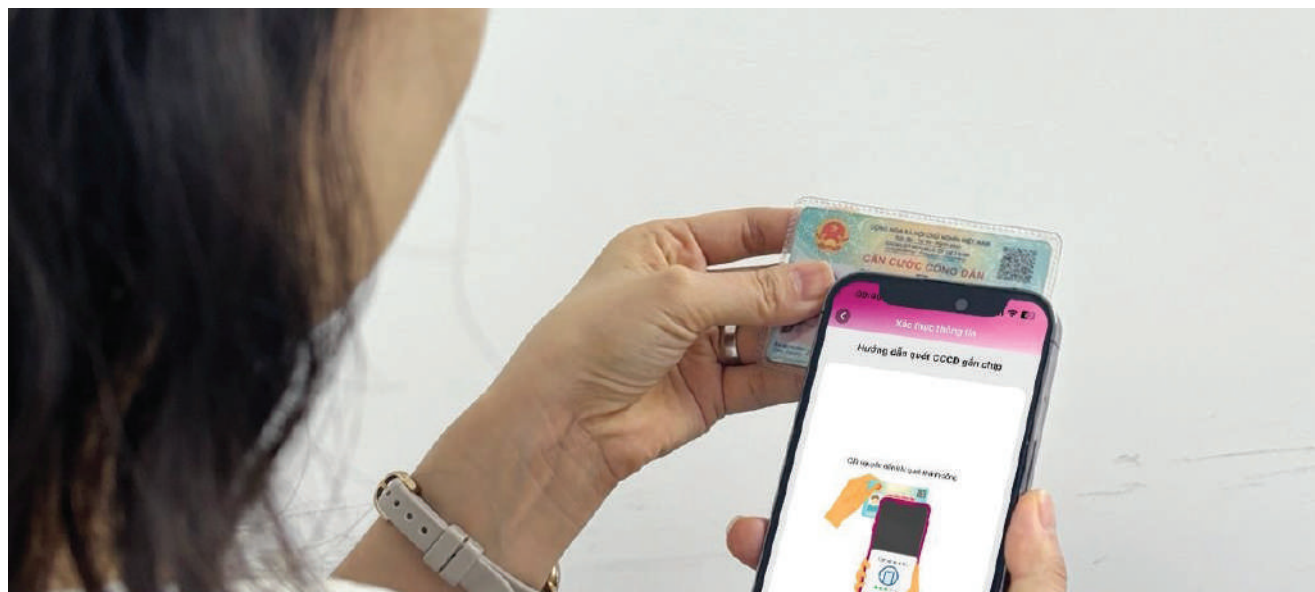
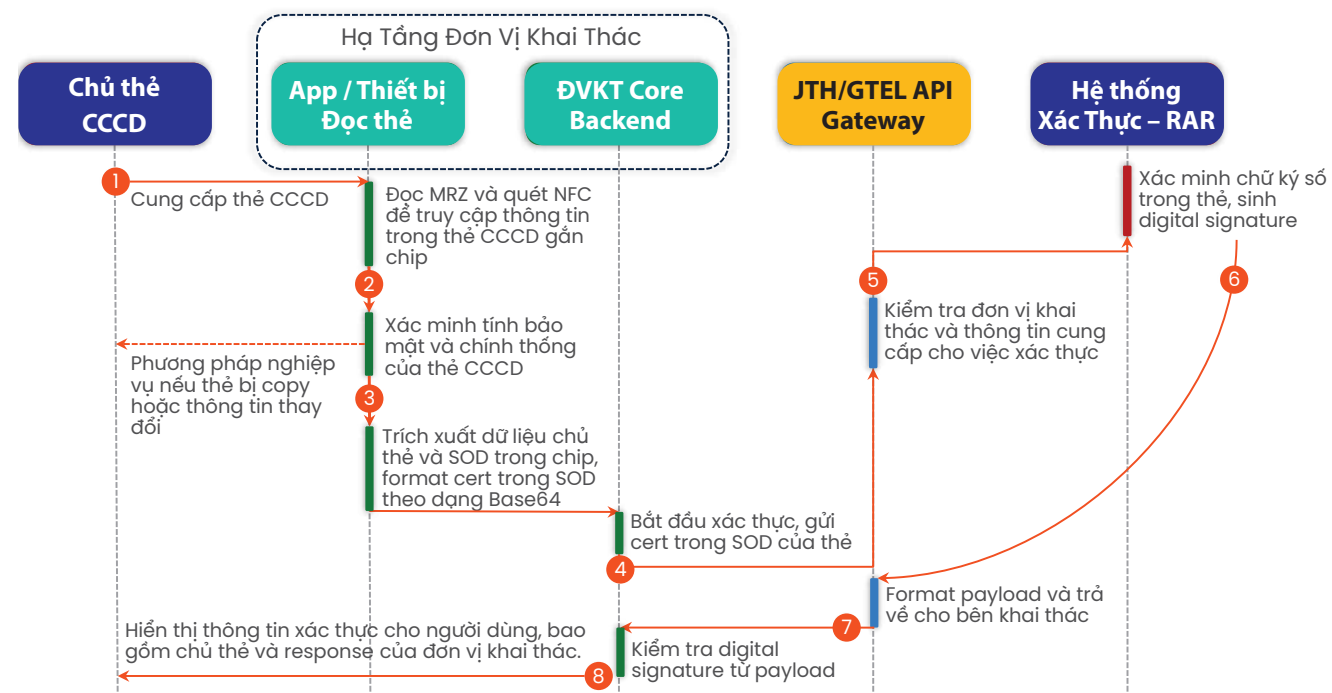
BƯỚC 4/5: KIỂM TRA CHỮ KÝ SỐ CỦA THẺ VỚI BỘ CÔNG AN



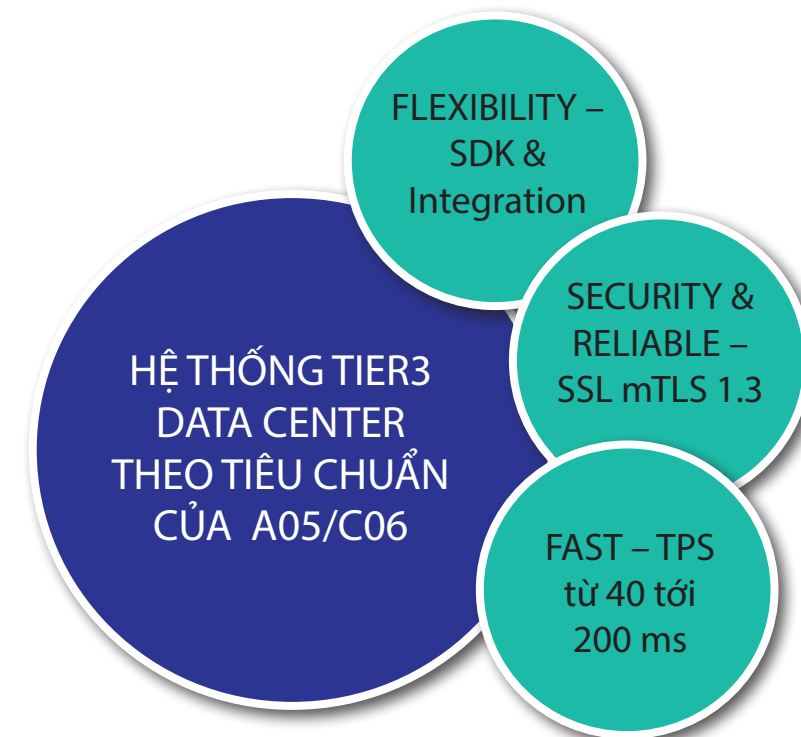
KIẾN TRÚC HỆ THỐNG XÁC THỰC CCCD GẮN CHIP



LUỒNG NGHIỆP VỤ HỆ THỐNG XÁC THỰC CCCD GẮN CHIP



LỢI THẾ DỊCH VỤ



Đơn vị duy nhất có kết nối trực tiếp tới hạ tầng xác thực CCCD và đủ tính pháp lý về việc cung cấp hạ tầng định danh điện tử cho khối ngân hàng, viễn thông và doanh nghiệp (NĐ59).

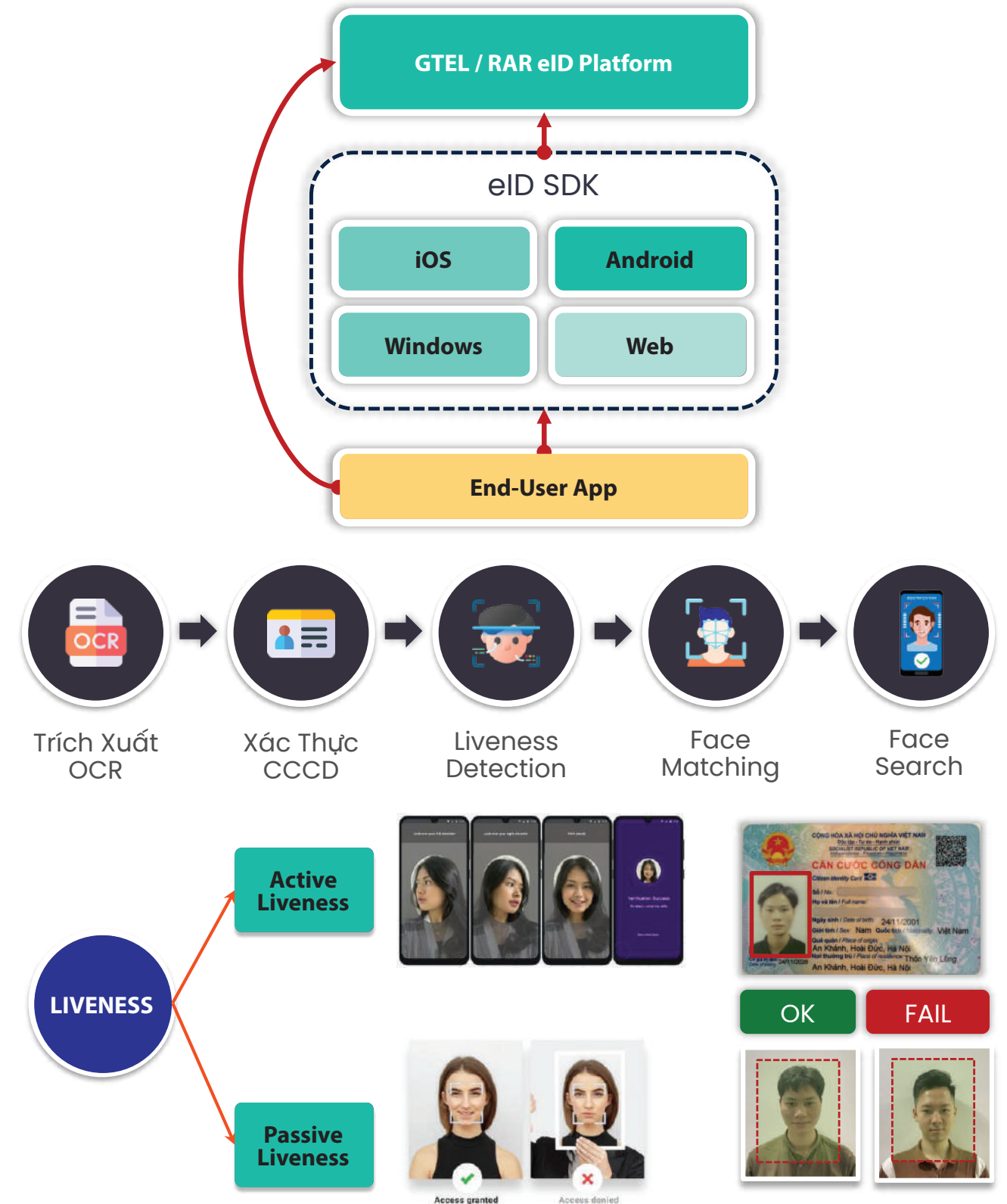
Tốc độ xác thực nhanh nhất thị trường (bench avg. khoảng 80-200 milli giây). SDK xác thực CCCD gắn chip gồm đọc thẻ dưới 5 giây.

Giải pháp dịch vụ linh động, dễ dàng tích hợp, thiết kế theo định hướng mở rộng cho các đơn vị khai thác.

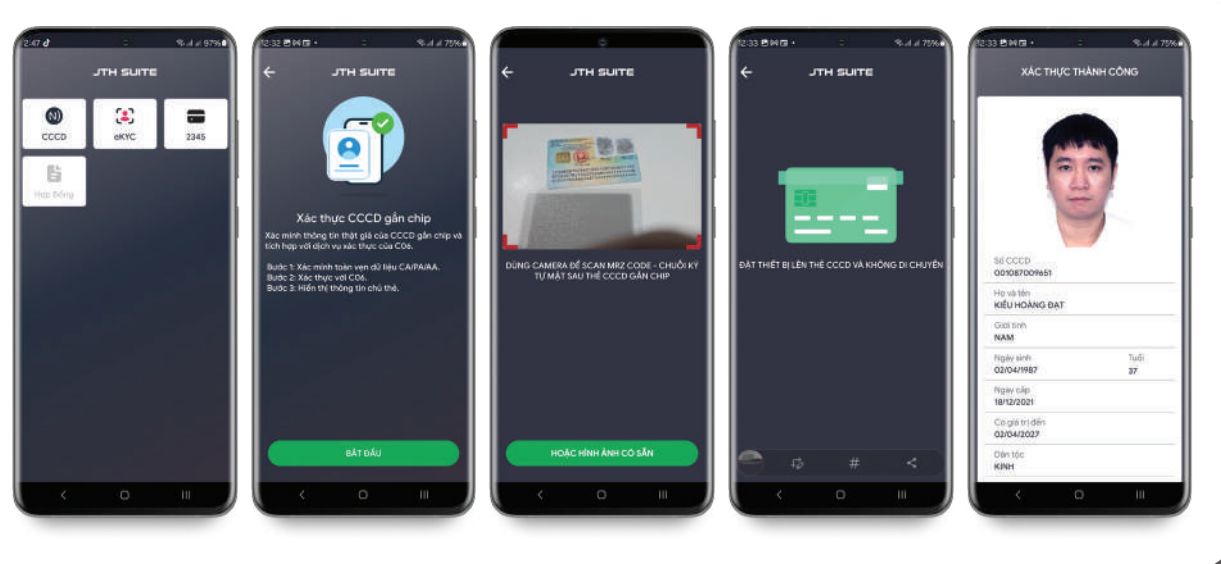
GIẢI PHÁP: XÁC THỰC CCCD GẮN CHIP



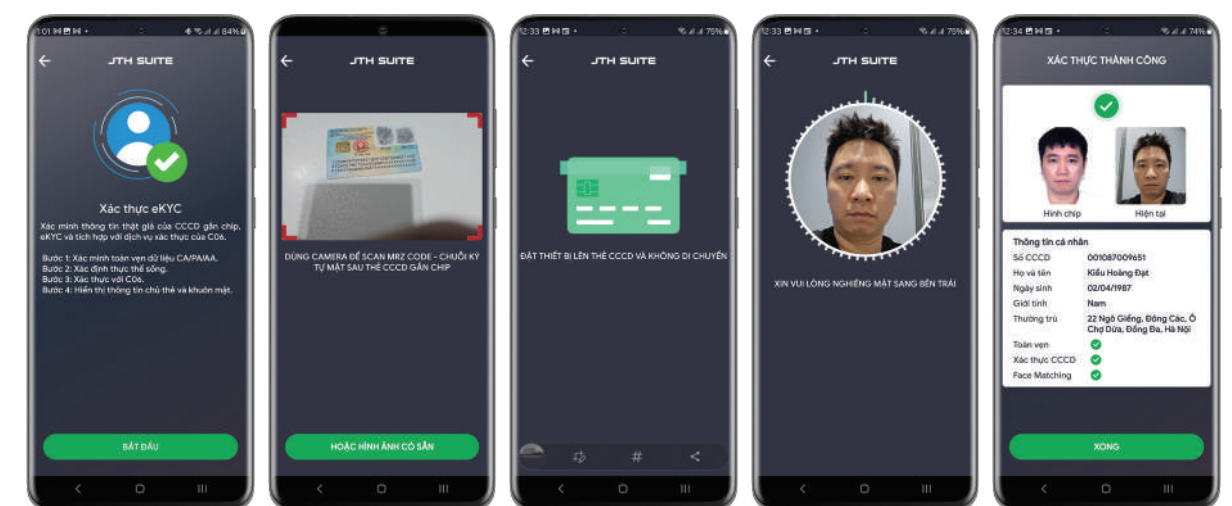
GIẢI PHÁP: EKYC VỚI CCCD GẮN CHIP



GIẢI PHÁP: MOBILE SDK XÁC THỰC



GIẢI PHÁP: MOBILE SDK XÁC THỰC KẾT HỢP VỚI EKYC



GIẢI PHÁP: THIẾT BỊ ĐỌC THẺ CCCD GẮN CHIP



- ✓ Khả năng đọc thẻ nhanh (**dưới 3s**) và đọc liên tục, với độ chính xác tuyệt đối 100%.
- ✓ Thiết bị được thiết kế theo tiêu chuẩn của **ICAO-9303**, được provisioned và dán tem bởi C06.
- ✓ Khách hàng có thể tùy chọn logo, màu sắc, bố cục tích hợp để đáp ứng với nhu cầu may đo của doanh nghiệp.
- ✓ Thiết bị thích hợp với đa nền tảng (Desktop, Web), hỗ trợ đa ngôn ngữ và có thể custom hoạt động qua LAN/Wi-Fi.

MÔ HÌNH GIAO DỊCH HIỆN TẠI

Khách hàng đến quầy giao dịch, điền thông tin cá nhân theo biểu mẫu.



Giao dịch viên kiểm tra và đối chiếu thông tin trong biểu mẫu với thẻ Căn cước bằng mắt thường.



Mất ít nhất **10 phút** cho mỗi khách hàng, độ chính xác chỉ từ **50-70%** và nhiều rủi ro lừa đảo.

MÔ HÌNH ICAO 9303

Khách hàng tới quầy giao dịch cung cấp thẻ CCCD gắn chip.



Giao dịch viên đưa thẻ vào máy đọc thẻ CCCD và **xác thực với hệ thống của BCA.**



3-5 giây cho mỗi khách hàng, độ chính xác **100%** và được **đảm bảo bởi BCA.**

GIẢI PHÁP: THIẾT BỊ ĐỌC THẺ CCCD GẮN CHIP

EID SUITE

Authenticate CCCD - E2 vmg-0101883619 Logout

Image on Card **Take a photo** **Personal information**

Id Card 001087009651

Date of issue 18/12/2021 **Date of expiry** 02/04/2027 **Old id card** 012518118

Full name Kiều Hoàng Đạt

Date of birth 02/04/1987 **Nationality** Việt Nam **Gender** Nam

Race Kinh **Religion** Không

Father name Kiều Tinh **Mother name** Nguyễn Thị Long **Wife/Husband**

Identification Nốt ruồi cách 3cm trên sau đuôi máy phải

Hometown Phú Thịnh, Sơn Tây, Hà Nội

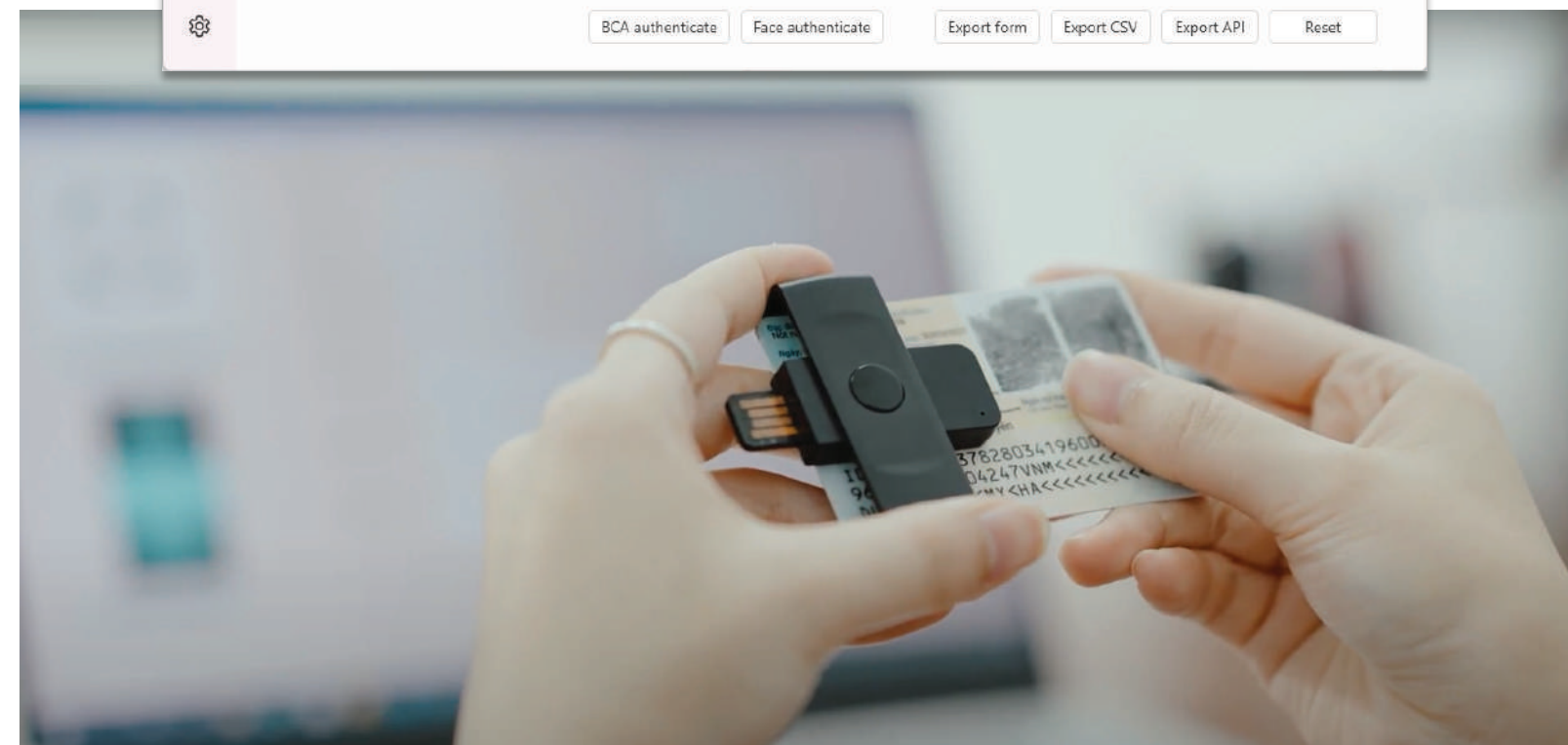
Residence 22 Ngõ Giếng, Đồng Cốc, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội

Authentication information

- ☒ Data integrity
- ☒ BCA authenticate
- ☒ The face matches

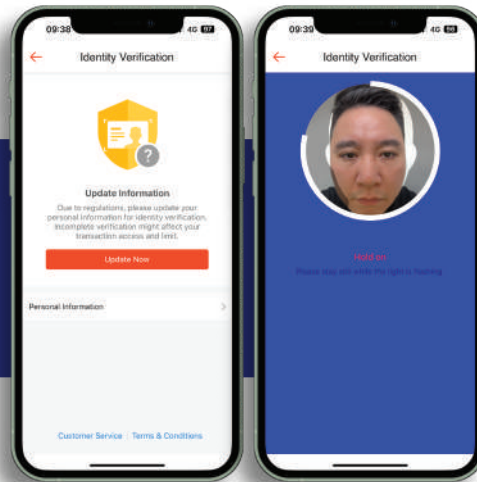
Device is connected

BCA authenticate **Face authenticate** **Export form** **Export CSV** **Export API** **Reset**



USE CASE GIẢI PHÁP: VÍ ĐIỆN TỬ

Bước 1:
Bắt đầu xác thực



Bước 2:
Liveness Detection



Bước 3-4:
OCR mặt trước / mặt sau CCCD –
chậm và không chính xác

GTEL SDK: Trích xuất dữ liệu
với **thông tin chính xác 100%**

Bước 5:
Verify dữ liệu, không có real-time,
phải chờ duyệt



Real-time **xác thực CCCD** với BCA, đảm bảo tính toàn vẹn.
Synchronize thông tin và **làm sạch dữ liệu người dùng**.

DỊCH VỤ: LÀM SẠCH DỮ LIỆU OFFLINE

Bắt đầu

Bước 1:

Đối tác thực hiện
việc xuất dữ liệu theo
chuẩn CSV và mã hóa
dữ liệu.

Bước 2:

Đối tác niêm phong
ổ cứng và chuyển tới
GTEL.

Bước 3:

GTEL phối hợp để
chuyển dữ liệu tới
C06.

Bước 4:

C06 xác nhận, mở ổ
cứng niêm phong và
giải mã dữ liệu với
key đối tác cung cấp.

Bước 5:

C06 thực hiện việc
làm sạch dữ liệu và
mã hóa dữ liệu đã
được làm sạch.

Bước 6:

C06 niêm phong ổ
cứng và gửi lại cho
GTEL / GTEL sau đó
chuyển lại cho đối tác.

Bước 7:

Đối tác mở ổ cứng
niêm phong, giải mã
và xác nhận dữ liệu
đã được làm sạch.

Kết thúc

- ✓ Làm sạch dữ liệu người dùng bao gồm 03 (ba) trường thông tin đầu vào tối thiểu: (1) Số **CCCD 12 số** hoặc **CMND 9 số** (hoặc cả 2); (2) Họ và tên (Không có dấu và viết hoa toàn bộ); (3) **Ngày/tháng/năm sinh** hoặc **năm sinh**.
- ✓ Dữ liệu gửi về theo định dạng CSV và lưu trữ trong ổ cứng USB an toàn (USB AV).
- ✓ Thời gian xử lý dữ liệu làm sạch là 10-15 ngày kể từ khi bên C06 nhận dữ liệu.

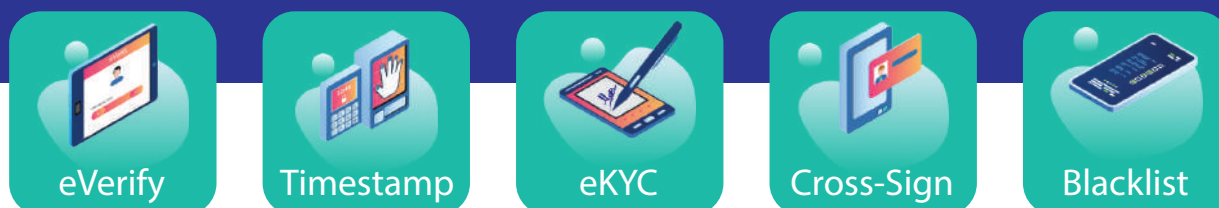
NHIỆM VỤ 05

Chủ trì triển khai tích hợp tài khoản **định danh điện tử**, ứng dụng thẻ Căn cước công dân gắn chip hoặc dữ liệu dân cư để xác thực chủ thể hoạt động TMĐT Việt Nam; quản trị, vận hành, bảo đảm ổn định **Trục phát triển hợp đồng điện tử Việt Nam**.

HÀNH ĐỘNG 5.1: Tích hợp tài khoản định danh điện tử, ứng dụng thẻ CCCD gắn chip hoặc dữ liệu dân cư để xác thực chủ thể của hoạt động TMĐT tham gia giao kết hợp đồng trên Trục phát triển hợp đồng điện tử Việt Nam. Thời gian thực hiện: 2023.

HÀNH ĐỘNG 5.2: Quản trị, vận hành, bảo đảm ổn định Trục hợp đồng điện tử Việt Nam. Thời gian thực hiện: 2023.

Trục Hợp Đồng Điện Tử Việt Nam là hệ thống được Bộ Công Thương xây dựng phát triển và vận hành triển khai nhằm mục tiêu hỗ trợ 100% các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân ứng dụng HĐĐT trong việc **kiểm tra, xử lý, tập trung thông tin HĐĐT của cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức** trong giao dịch và hoạt động TMĐT tại Việt Nam.



QUY TRÌNH CHỨNG THỰC HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ

KHỞI TẠO HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ

Bên lập tạo hợp đồng điện tử trên website, ký số hợp đồng điện tử và gửi cho bên nhận thông qua email hoặc đường link bảo mật.

HOÀN THIỆN CHỨNG THỰC CHO PHÉP TRA CỨU

Trục cho phép các đơn vị hành chính và chuyên ngành tra cứu và chứng thực hợp đồng trên Trục.

THỰC HIỆN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ

Bên nhận thực hiện việc ký số vào hợp đồng điện tử từ bên lập hợp đồng. Sau đó hợp đồng gửi cho CeCA (Certified e-Contract Authority).

TRỰC THỰC HIỆN CHỨNG THỰC LÊN HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ

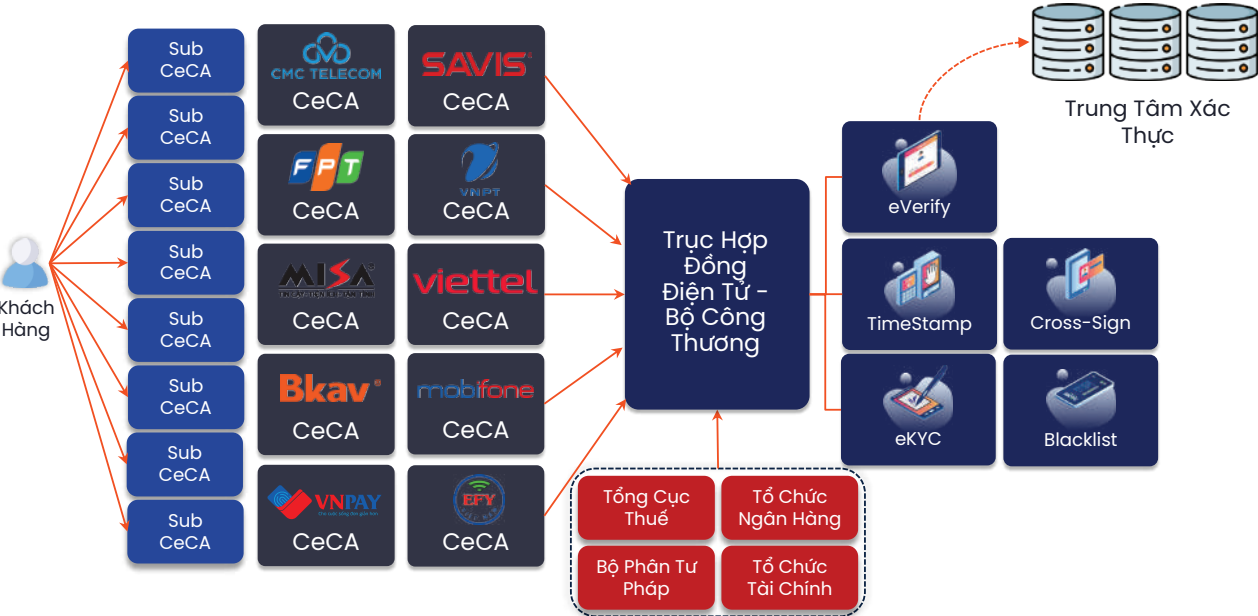
Trục hợp đồng điện tử yêu cầu các Bên xác thực định danh điện tử / CCCD gắn chip, eKYC, timestamp và ghi hợp đồng vào Trục.

TỔ CHỨC CECA THỰC HIỆN KÝ SỐ

CeCA sau khi nhận hợp đồng thực hiện việc ký số vào hợp đồng và gửi lên Trục hợp đồng điện tử của Bộ Công Thương.



KIẾN TRÚC TRỰC HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ



QĐ 2345 - GIAO DỊCH LOẠI C&D CÁ NHÂN

LOẠI HÌNH GIAO DỊCH	GIAO DỊCH LOẠI C	GIAO DỊCH LOẠI D
Nhóm I.2 Thanh toán hàng hóa, dịch vụ hợp pháp, trung gian thanh toán cung cấp hoặc tại các đơn vị chấp nhận thanh toán.	100 triệu VND < G+T ≤ 1,5 tỷ VND	1,5 tỷ VND < G+T
Nhóm I.3 - Chuyển tiền trong cùng ngân hàng, khác chủ tài khoản. - Chuyển tiền liên ngân hàng trong nước. - Chuyển tiền giữa các ví điện tử. - Nạp tiền vào Ví điện tử. - Rút tiền từ Ví điện tử.	Trường hợp 1: G ≤ 10 triệu VND và G + T_{ksth} > 20 triệu VND và G+T ≤ 1,5 tỷ VND Trường hợp 2: G > 10 triệu VND và G ≤ 500 triệu VND và G+T ≤ 1,5 tỷ VND	Trường hợp 1: G ≤ 10 triệu VND và G + T_{ksth} > 20 triệu VND và G+T > 1,5 tỷ VND Trường hợp 2: G > 10 triệu VND và G ≤ 500 triệu VND và G+T > 1,5 tỷ VND Trường hợp 3: G > 500 triệu VND
Nhóm I.4 Chuyển tiền liên ngân hàng ra nước ngoài	G ≤ 200 triệu VND và G + T ≤ 1 tỷ VND	Trường hợp 1: G ≤ 200 triệu VND và G + T > 1 tỷ VND Trường hợp 2: G > 200 triệu VND

G: Giá trị giao dịch, **T_{ksth}:** Tổng giá trị các giao dịch đã thực hiện của 1 tài khoản, **T:** Tổng giá trị các loại giao dịch của từng nhóm trong 1 ngày



QĐ 2345 - GIAO DỊCH LOẠI C&D TỔ CHỨC



LOẠI HÌNH GIAO DỊCH	GIAO DỊCH LOẠI C	GIAO DỊCH LOẠI D
Nhóm I.3 - Chuyển tiền trong cùng ngân hàng, khác chủ tài khoản. - Chuyển tiền liên ngân hàng trong nước. - Thanh toán hàng hóa, dịch vụ hợp pháp, trung gian thanh toán cung cấp hoặc tại các đơn vị chấp nhận thanh toán. - Chuyển tiền giữa các ví điện tử. - Nạp tiền vào Ví điện tử. - Rút tiền từ Ví điện tử.	$G \leq 1 \text{ tỷ VND}$ và $G + T \leq 10 \text{ tỷ VND}$	Trường hợp 1: $G \leq 1 \text{ tỷ VND}$ và $G + T > 10 \text{ tỷ VND}$ Trường hợp 2: $G > 1 \text{ tỷ VND}$
Nhóm I.4 Chuyển tiền liên ngân hàng ra nước ngoài	$G \leq 500 \text{ triệu VND}$ và $G + T \leq 5 \text{ tỷ VND}$	Trường hợp 1: $G \leq 500 \text{ triệu VND}$ và $G + T > 5 \text{ tỷ VND}$ Trường hợp 2: $G > 500 \text{ triệu VND}$

G: Giá trị giao dịch, T: Tổng giá trị các loại giao dịch của từng nhóm trong 1 ngày

QĐ 2345 - ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN (BỔ SUNG QĐ630)

Trước khi thực hiện **giao dịch lần đầu bằng ứng dụng Mobile Banking** hoặc trước khi thực hiện **giao dịch trên thiết bị khác** với thiết bị giao dịch Mobile Banking lần gần nhất thì phải xác thực khách hàng bằng dấu hiệu nhận dạng sinh trắc học của khách hàng:

Biện Pháp 01: Khớp đúng với dữ liệu sinh trắc học được lưu trong chip của thẻ CCCD của khách hàng do cơ quan Công an cấp⁽¹⁾;

Biện Pháp 02: Thông qua xác thực tài khoản định danh điện tử của khách hàng trong hệ thống xác thực và định danh điện tử tạo lập⁽²⁾;

Biện Pháp 03: Khớp đúng với dữ liệu sinh trắc học được lưu trong CSDL sinh trắc học về khách hàng **đã thu thập và kiểm tra**⁽³⁾, **kết hợp** một trong các biện pháp xác thực sau: Soft OTP/Token OTP loại nâng cao hoặc theo chuẩn FIDO hoặc bằng chữ ký điện tử an toàn.

(1) Đơn vị phải triển khai giải pháp để **xác thực chính xác thẻ CCCD của khách hàng là do cơ quan Công an cấp.**

(2) **Tài khoản định danh điện tử, hệ thống định danh và xác thực điện tử** theo quy định tại **Nghị định 59/2022/NĐ-CP** ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử.

(3) Kiểm tra đảm bảo: (i) sự khớp đúng giữa **dữ liệu nhận dạng sinh trắc học của khách hàng** với **dữ liệu sinh trắc học trong chip của thẻ CCCD của khách hàng do cơ quan Công an cấp**; (ii) hoặc sự **khớp đúng giữa dữ liệu nhận dạng sinh trắc học của khách hàng thông qua xác thực tài khoản định danh điện tử** của khách hàng do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập.

QĐ 2345 - ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH LOẠI C

KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Biện Pháp 01: Khớp đúng với dữ liệu sinh trắc học được lưu trong chip của thẻ CCCD của khách hàng do cơ quan Công an cấp⁽¹⁾;

Biện Pháp 02: Thông qua xác thực tài khoản định danh điện tử của khách hàng do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập⁽²⁾.

Biện Pháp 03: Bằng dấu hiệu nhận dạng sinh trắc học của khách hàng khớp đúng với dữ liệu sinh trắc học được lưu trong CSDL sinh trắc học về khách hàng đã thu thập và kiểm tra⁽³⁾, khuyến khích kết hợp với phương thức xác thực OTP gửi qua SMS/Voice hoặc Soft OTP/Token OTP.

⁽¹⁾ Đơn vị phải triển khai giải pháp để **xác thực chính xác thẻ CCCD của khách hàng là do cơ quan Công an cấp.**

⁽²⁾ **Tài khoản định danh điện tử, hệ thống định danh và xác thực điện tử** theo quy định tại **Nghị định 59/2022/NĐ-CP** ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử.

⁽³⁾ Kiểm tra đảm bảo: (i) sự khớp đúng giữa **dữ liệu nhận dạng sinh trắc học của khách hàng** với **dữ liệu sinh trắc học trong chip của thẻ CCCD của khách hàng do cơ quan Công an cấp**; (ii) hoặc sự **khớp đúng giữa dữ liệu nhận dạng sinh trắc học của khách hàng thông qua xác thực tài khoản định danh điện tử** của khách hàng do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập.

KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC

Biện Pháp 01: Soft OTP/Token OTP loại cơ bản, có chức năng xác thực người dùng sử dụng phần mềm, Token.

Biện Pháp 02: Biện pháp xác thực qua hai kênh.

QĐ 2345 - ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH LOẠI D

KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Biện Pháp 01: Khớp đúng với dữ liệu sinh trắc học được lưu trong chip của thẻ CCCD của khách hàng do cơ quan Công an cấp⁽¹⁾;

Biện Pháp 02: Thông qua xác thực tài khoản định danh điện tử của khách hàng do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập⁽²⁾.

Biện Pháp 03: Bằng dấu hiệu nhận dạng sinh trắc học của khách hàng khớp đúng với dữ liệu sinh trắc học được lưu trong CSDL sinh trắc học về khách hàng **đã thu thập và kiểm tra⁽³⁾, kết hợp** một trong các biện pháp xác thực sau: Soft OTP/Token OTP loại nâng cao hoặc theo chuẩn FIDO hoặc bằng chữ ký điện tử an toàn.

⁽¹⁾ Đơn vị phải triển khai giải pháp để **xác thực chính xác thẻ CCCD của khách hàng là do cơ quan Công an cấp.**

⁽²⁾ **Tài khoản định danh điện tử, hệ thống định danh và xác thực điện tử** theo quy định tại **Nghị định 59/2022/NĐ-CP** ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử.

⁽³⁾ Kiểm tra đảm bảo: (i) sự khớp đúng giữa **dữ liệu nhận dạng sinh trắc học của khách hàng** với **dữ liệu sinh trắc học trong chip của thẻ CCCD của khách hàng do cơ quan Công an cấp**; (ii) hoặc sự **khớp đúng giữa dữ liệu nhận dạng sinh trắc học của khách hàng thông qua xác thực tài khoản định danh điện tử** của khách hàng do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập.

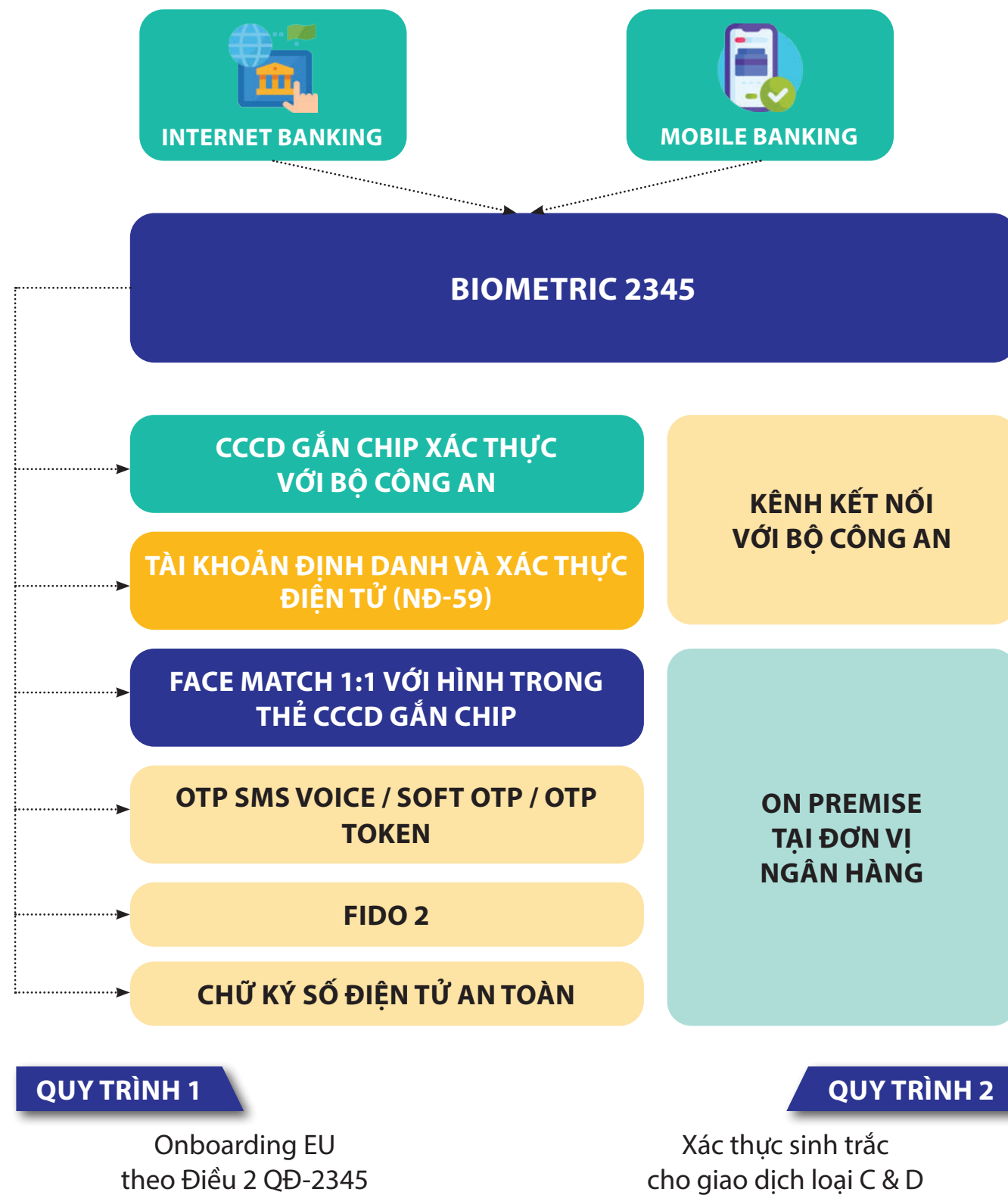
KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC

Biện Pháp 01: Soft OTP/Token OTP loại nâng cao.

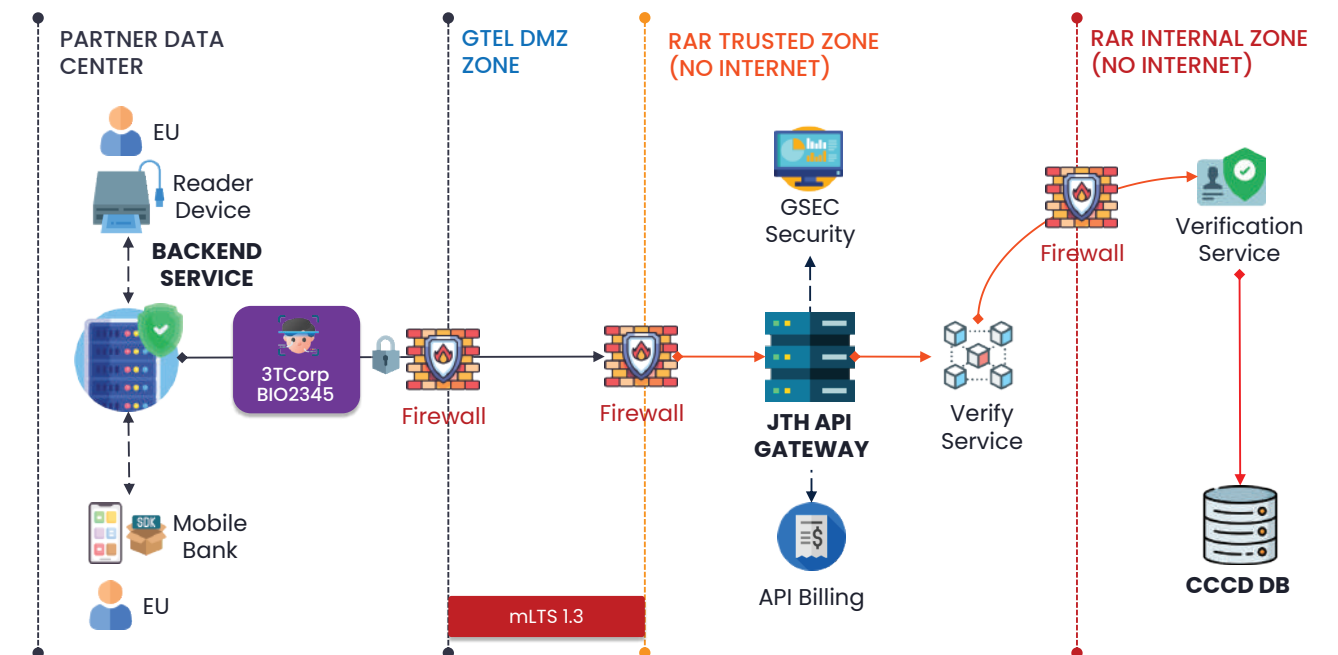
Biện Pháp 02: Hoặc theo chuẩn FIDO.

Biện Pháp 03: Hoặc theo chữ ký điện tử an toàn.

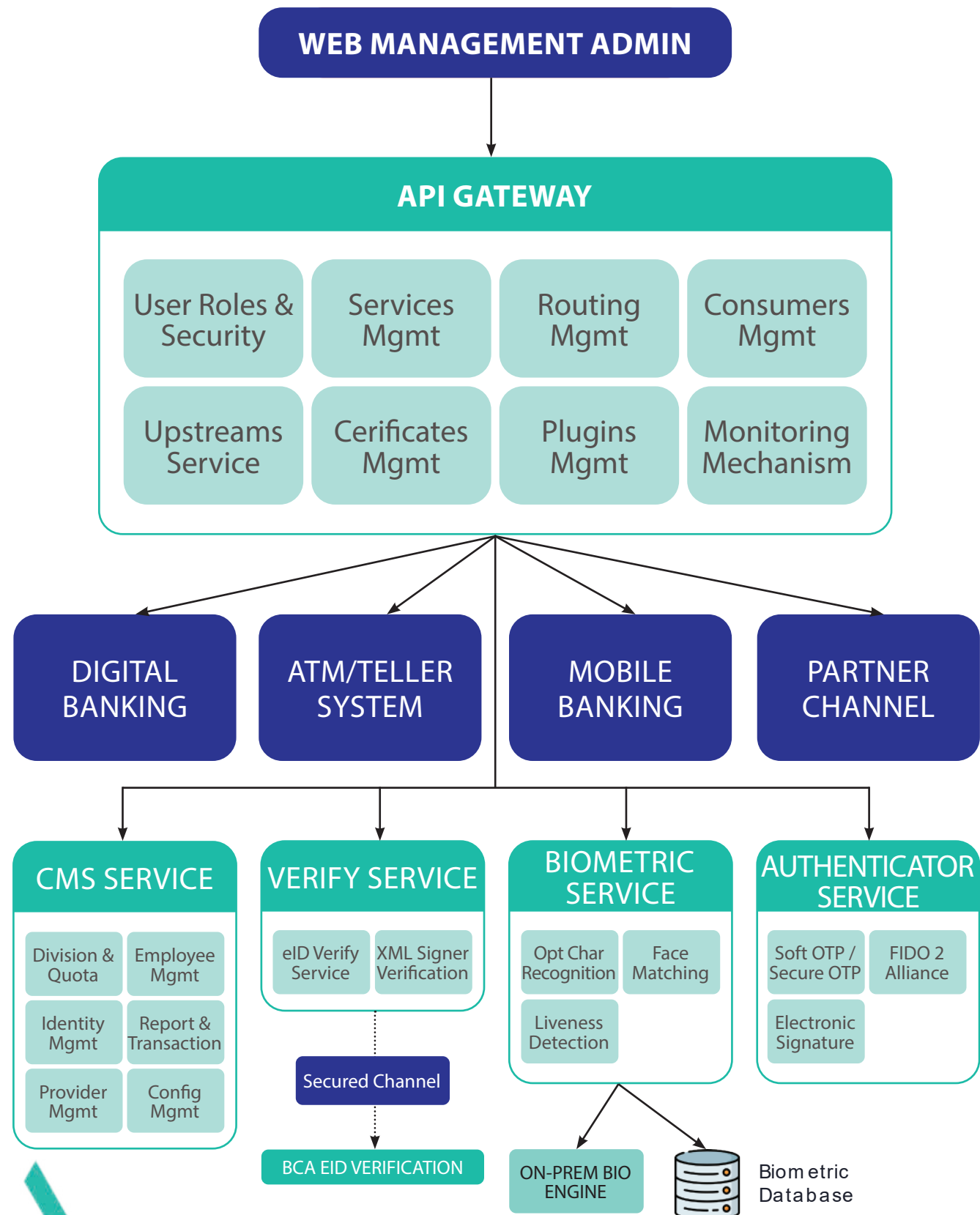
CẤU TRÚC HỆ THỐNG CHO QĐ 2345 - ON PREMISE



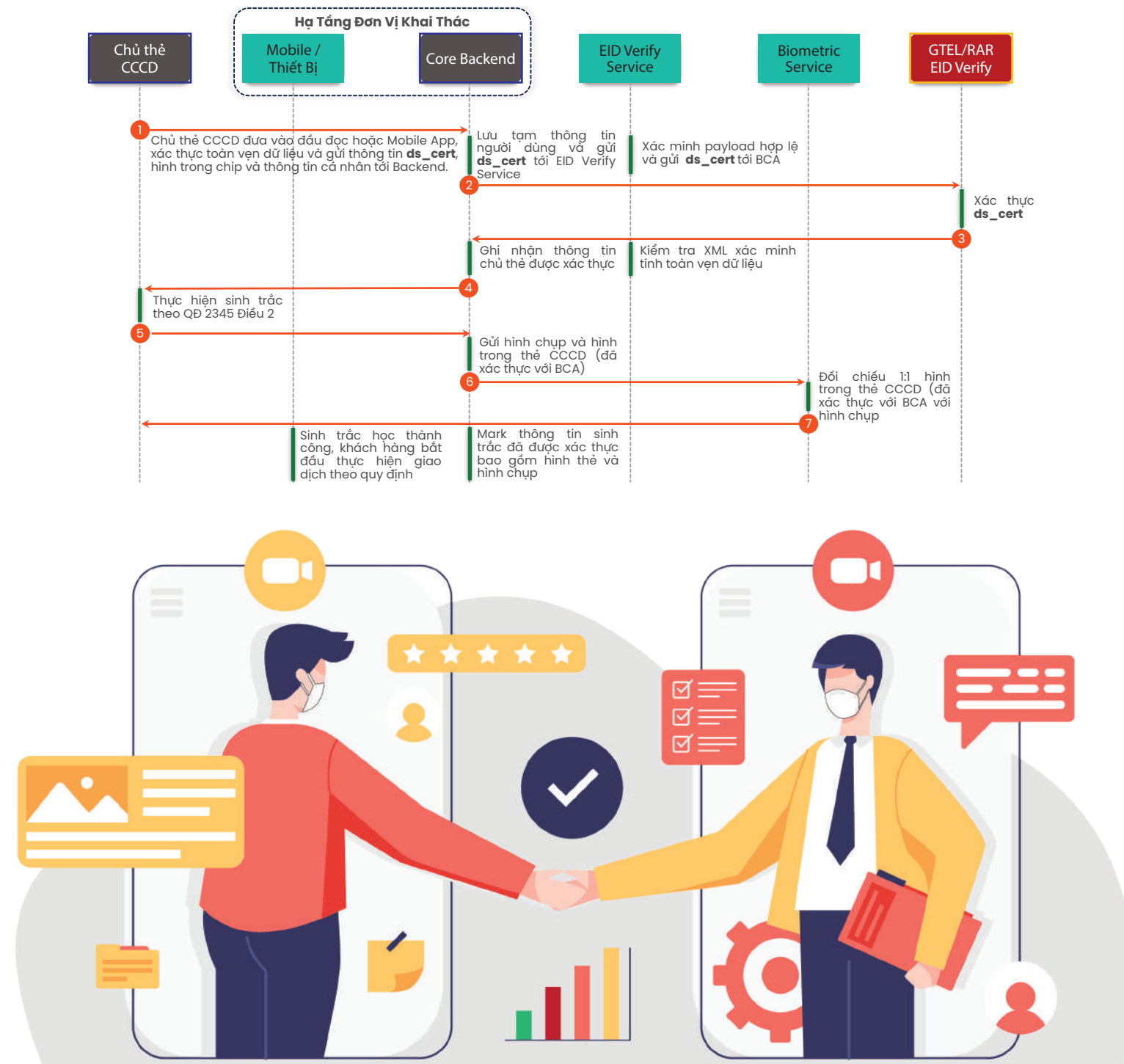
KIẾN TRÚC HỆ THỐNG BIO-2345: ON PREMISE



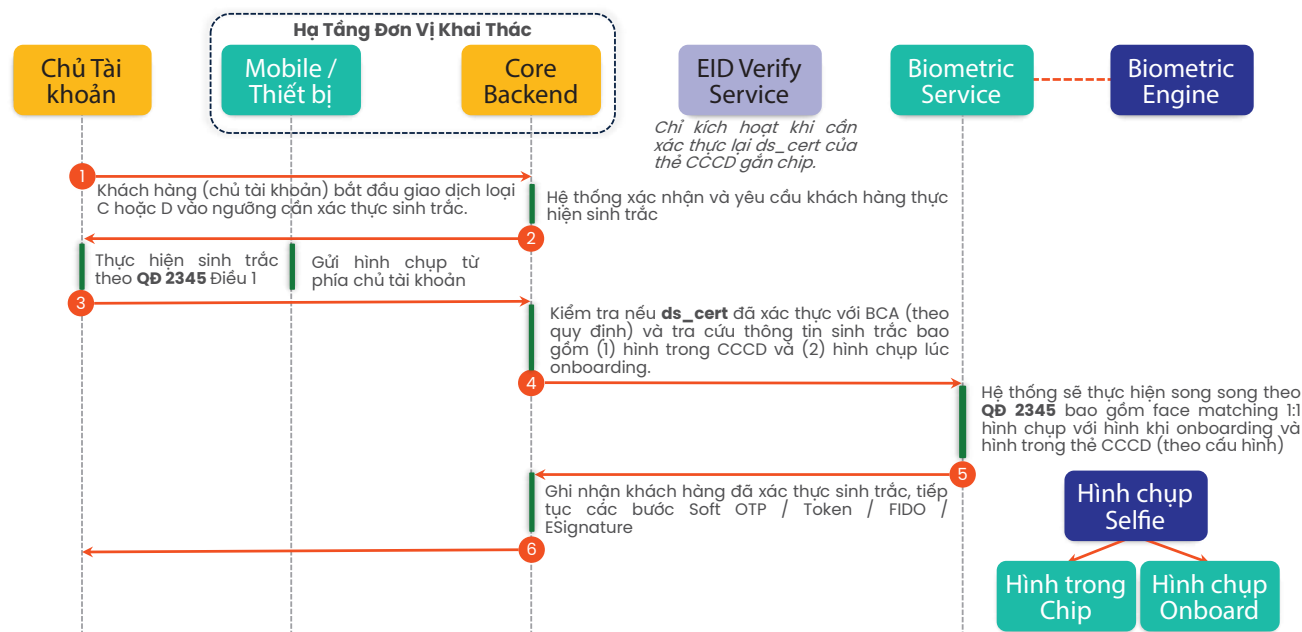
CẤU TRÚC HỆ THỐNG CHO QĐ 2345 - ON PREMISE



QUY TRÌNH ONBOARDING / RE-AUTHENTICATION KHÁCH HÀNG



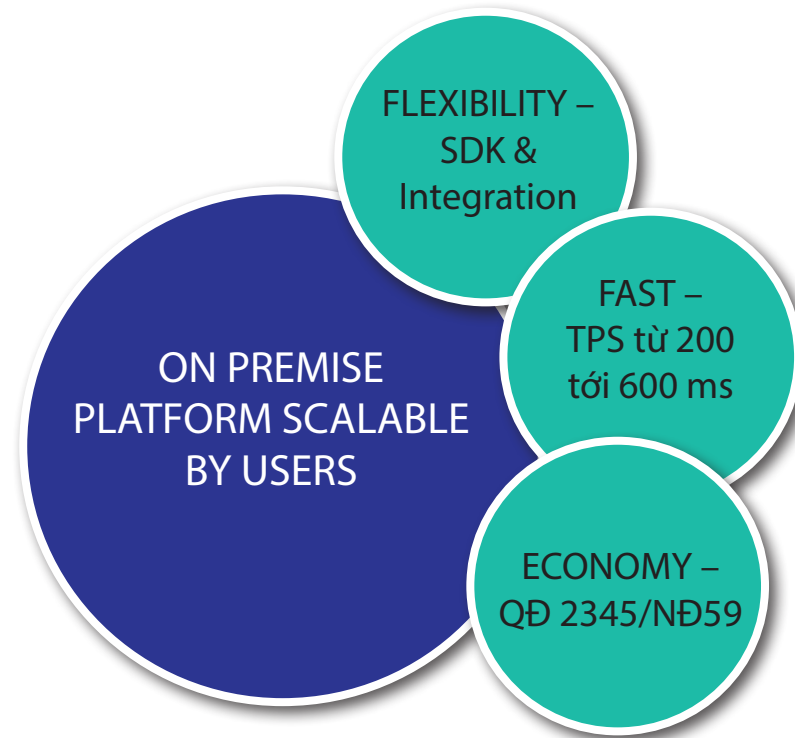
XÁC THỰC SINH TRẮC ĐÃ THU THẬP



GIẢI PHÁP: MOBILE GIAO DỊCH SINH TRẮC



LỢI THẾ HỆ THỐNG



- ✓ Hệ thống được thiết kế theo tiêu chuẩn của Bộ Công An (A05/C06) và luồng phù hợp với QĐ 2345 của Ngân Hàng nhà nước.
- ✓ Hệ thống kết hợp luồng dịch vụ cung cấp xác thực CCCD gắn chip / luồng sinh trắc học và có cơ chế mở rộng, nâng cấp cho luồng định danh (NĐ59) và xác thực điện tử với CSDL Dân Cư làm giàu của Bộ Công An.
- ✓ Hệ thống có thể được cấu hình theo yêu cầu về tiêu chuẩn bảo mật, nghiệp vụ của khối ngân hàng và tài chính.
- ✓ Tốc độ xác thực CCCD nhanh nhất thị trường (80-200 ms), tốc độ face matching thuộc top 5 thị trường (200-600ms) với chính xác 99%.

NGHỊ ĐỊNH 59 - MỨC ĐỘ XÁC THỰC

1

MỨC ĐỘ 1:

Xác thực tài khoản định danh điện tử thực hiện trên **01 yếu tố xác thực** và phương tiện xác thực, trong đó **không có thông tin sinh trắc học** (ảnh khuôn mặt, vân tay, giọng nói, mống mắt, ADN).

- USE CASE
- ① Số định danh cá nhân
hoặc
 - ② Họ, chữ đệm và tên

2

MỨC ĐỘ 2:

Xác thực tài khoản định danh điện tử thực hiện trên **02 yếu tố xác thực khác nhau** và phương tiện xác thực, trong đó **không có thông tin sinh trắc học** (ảnh khuôn mặt, vân tay, giọng nói, mống mắt, ADN).

- USE CASE
- ① Số định danh cá nhân
và
 - ② Họ, chữ đệm và tên

3

MỨC ĐỘ 3:

Xác thực tài khoản định danh điện tử thực hiện trên **02 yếu tố xác thực khác nhau** và phương tiện xác thực, trong đó có **01 thông tin về sinh trắc học** (ảnh khuôn mặt, vân tay, giọng nói, mống mắt, ADN).

- USE CASE
- ① Số định danh cá nhân
và
 - ② Hình khuôn mặt, vân tay, mống mắt...

4

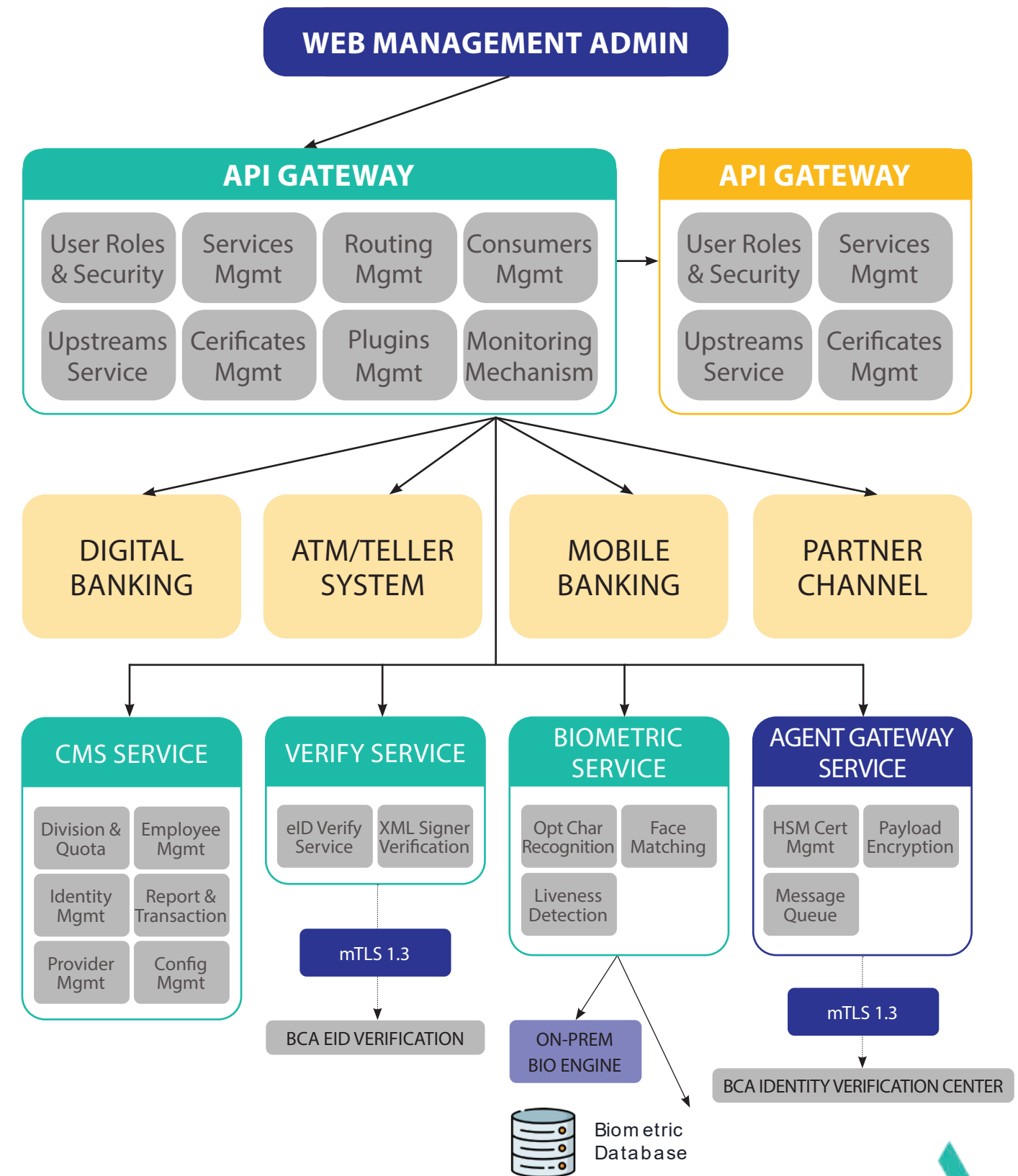
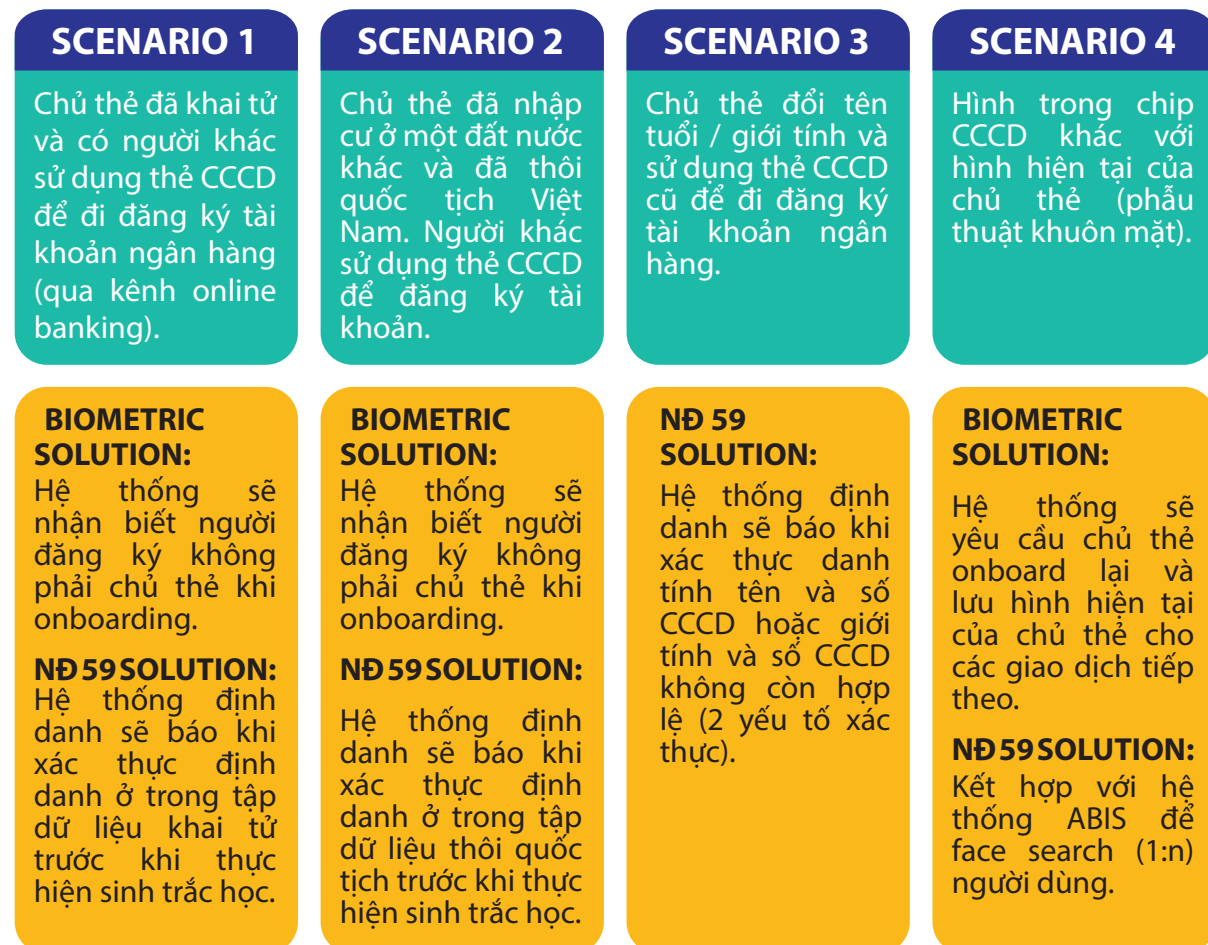
MỨC ĐỘ 4:

Xác thực tài khoản định danh điện tử được thực hiện ít nhất 01 yếu tố sinh trắc học (ảnh khuôn mặt, vân tay, giọng nói, mống mắt, ADN), ít nhất 01 yếu tố về chủ thể danh tính điện tử (thẻ căn cước, thiết bị, phần mềm) và 01 yếu tố chủ thể danh tính điện tử biết (mật khẩu, mã bí mật, mã vạch 2 chiều).

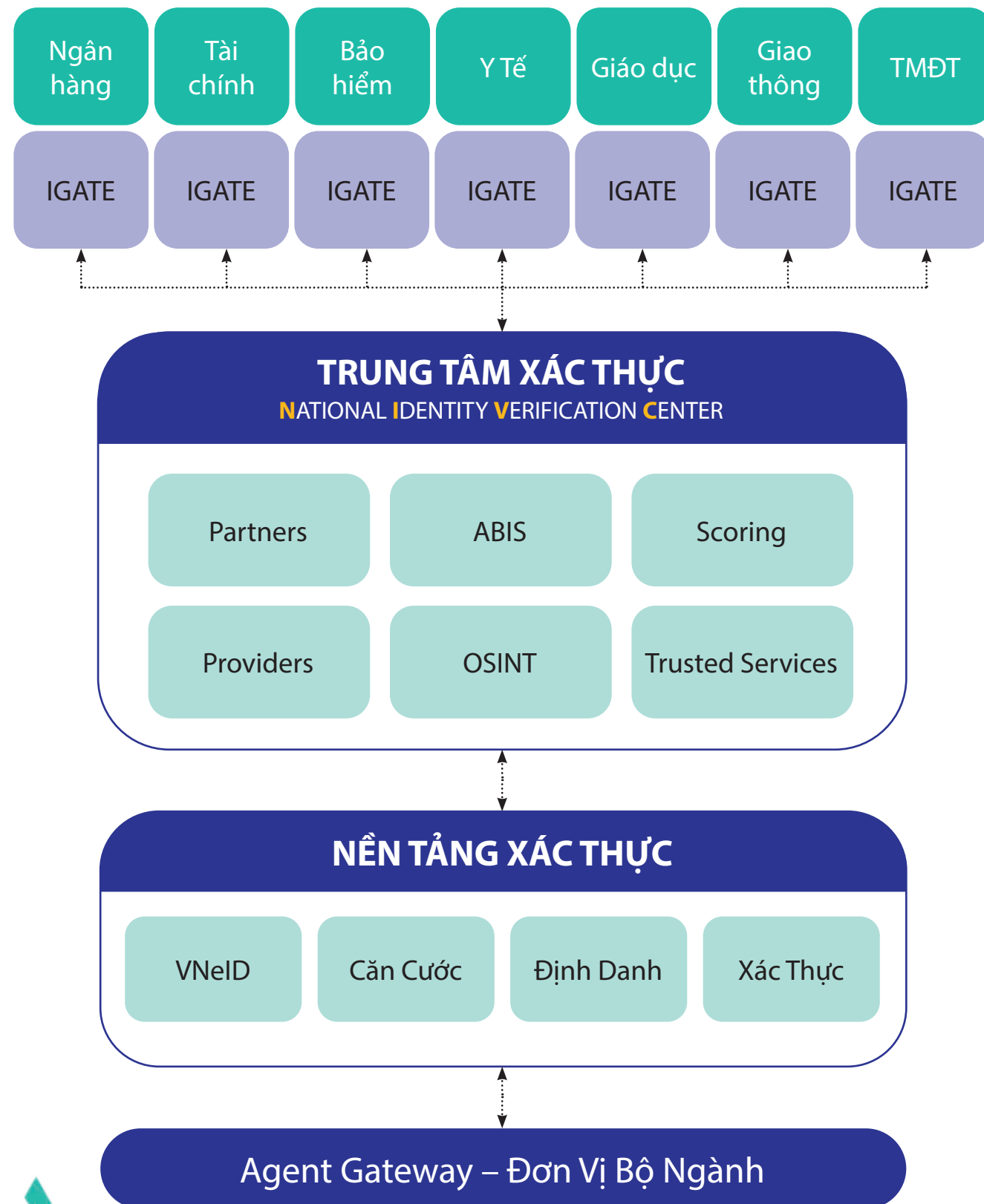
- USE CASE
- ① Số định danh cá nhân
và
 - ② Hình khuôn mặt, vân tay, mống mắt...
và
 - ③ PIN Code, Password

QĐ 2345 - SCENARIOS THƯỜNG GẶP

KIẾN TRÚC DỰ KIẾN TỪ QĐ-2345 TỚI NĐ-59



KIẾN TRÚC DỰ KIẾN CHO TTXT & TCKT



KIẾN TRÚC DỰ KIẾN CHO TTXT & TCKT

